

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số: /QĐ-ĐHNCT ngày tháng năm của
Hiệu trưởng trường Đại học Nam Cần Thơ)

Tên chương trình : **Cử nhân Ngôn ngữ Anh**
Trình độ đào tạo : **Đại học**
Ngành đào tạo : **NGÔN NGỮ ANH**
Mã số : **7220201**

1. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh được thiết kế nhằm đào tạo Cử nhân ngành Ngôn ngữ Anh là những công dân có đủ kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp, phẩm chất chính trị, đạo đức, tác phong nghề nghiệp và sức khỏe tốt để làm việc đạt hiệu quả ở các lĩnh vực liên quan đến ngôn ngữ tiếng Anh.

1.2. Thông tin chung về chương trình đào tạo

- Tên ngành đào tạo:
 - + Tiếng Việt: **Ngôn ngữ Anh**
 - + Tiếng Anh: **English Studies**
- Mã số ngành đào tạo: **7220201**
- Trình độ đào tạo: **Đại học**
- Hình thức đào tạo: **Chính quy**
- Thời gian đào tạo: **04 năm**
- Số tín chỉ: **131 tín chỉ** (không tính các học phần Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng – An ninh)
- Tên văn bằng sau tốt nghiệp:
 - + Tiếng Việt: **Cử nhân Ngôn ngữ Anh**
 - + Tiếng Anh: **Bachelor of English**
- Đơn vị cấp bằng: **Trường Đại học Nam Cần Thơ**

Đối tượng tuyển sinh: Tất cả thí sinh đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương.

Điều kiện xét và công nhận tốt nghiệp

Những sinh viên có đủ các điều kiện sau thì được xét tốt nghiệp:

- Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo đạt 131 tín chỉ.
- Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 5.0 trở lên.
- Đạt đủ điều kiện chuẩn đầu ra về trình độ tiếng Anh, kỹ năng mềm, kỹ năng nghề nghiệp theo quy định chung của nhà trường.
- Đạt chứng chỉ Giáo dục quốc phòng – An ninh, giáo dục thể chất.

Vị trí việc làm:

Sau khi tốt nghiệp, sinh viên chuyên ngành Ngôn ngữ Anh có thể đảm nhiệm công việc ở nhiều vị trí khác nhau:

- Phiên dịch, biên dịch viên của các Bộ, Ban, Ngành, các Tổ chức trong và ngoài nước;
- Cán bộ ngoại giao – Bộ Ngoại giao;
- Cán bộ đối ngoại – Vụ/Phòng hợp tác quốc tế - Các Bộ, Ban, Ngành cấp Trung ương và địa phương;
- Thư ký/Trợ lý Giám đốc - Doanh nghiệp nước ngoài hoặc doanh nghiệp trong nước;
- Cán bộ chương trình, dự án của các Tổ chức quốc tế;
- Giáo viên tiếng Anh cấp cơ sở, trung học, đại học và ở các cơ sở đào tạo ngoại ngữ (sau khi được bồi dưỡng về nghiệp vụ sư phạm).

1.3. Mục tiêu

1.3.1. Mục tiêu chung

- Đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cử nhân có đủ sức khỏe, kiến thức vững chắc, năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu xã hội và nhu cầu của người học, phù hợp với tiến trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.
- Có phẩm chất đạo đức, khả năng tự học, tự nghiên cứu nhằm đạt được các chuẩn về kiến thức và học tập nâng cao trình độ chuyên môn.
- Đào tạo nhân lực đủ năng lực làm việc tại các cơ quan, các Trường, các Viện nghiên cứu và các công ty liên quan có sử dụng tiếng Anh trong các công tác chuyên môn.

1.3.2. Mục tiêu cụ thể:

M1 Cung cấp các kiến thức nền tảng và kiến thức chuyên sâu về ngôn ngữ Anh.

M2 Hình thành các kỹ năng sử dụng ngôn ngữ tiếng Anh chuyên sâu từ đó phát triển được năng lực làm việc chuyên môn.

M3 Rèn luyện kỹ năng chuyên môn, kỹ năng mềm từ xã hội, môi trường làm việc và nghiên cứu.

M4 Tổ chức và thực hiện được các nhiệm vụ chuyên môn sử dụng tiếng Anh, từ đó phát triển được năng lực sáng tạo trong công việc.

M5 Phát triển được năng lực tổ chức, điều hành, quản trị môi trường làm việc.

M6 Hình thành được năng lực tự học, tự nghiên cứu ở lĩnh vực chuyên môn, từ đó phát triển được các năng lực tương ứng ở cả đời sống và hướng dẫn được những người xung quanh, từ đó thay đổi, cải thiện đời sống xã hội.

2. Thời gian đào tạo: 4 năm

3. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 131 tín chỉ (chưa bao gồm các kiến thức Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng)

Stt	Khối lượng học tập	Số tín chỉ
1	Giáo dục đại cương (gồm các môn học chung và các môn khoa học cơ bản)	25
	- Bắt buộc - Tự chọn	23 2
2	Giáo dục chuyên nghiệp (gồm các môn cơ sở và các môn chuyên ngành):	94
	Kiến thức cơ sở ngành - Bắt buộc	54
	Kiến thức chuyên ngành - Bắt buộc - Tự chọn	40 34 6
3	Tốt nghiệp	12
	- Loại hình 1: - Luận văn tốt nghiệp - Tự chọn	12 8 4
	- Loại hình 2: - Tiểu luận tốt nghiệp - Tự chọn	12 4 8
	Cộng	131

4. Đối tượng tuyển sinh:

- Đã tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương.
- Có đủ sức khỏe để học tập và lao động theo quy định hiện hành của Liên Bộ Y tế - Giáo dục và Đào tạo.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp:

5.1. Quy trình đào tạo:

- Thực hiện theo Quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy ban hành theo Quyết định số 43/ 2007/ QĐ- BGDĐT ngày 15/8/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Thực hiện theo học chế mềm dẻo kết hợp tín chỉ với học phần.
- Quá trình đào tạo được tổ chức theo khóa, năm học và học kỳ. Khóa học được thực hiện 04 năm. Một năm có hai học kỳ chính, mỗi học kỳ chính có ít nhất 15 tuần thực học và 3 tuần thi. Ngoài hai học kỳ chính, trường sẽ tổ chức thêm một học kỳ hè để cho những sinh viên thi không đạt ở các học kỳ chính được học lại. Học kỳ hè có ít nhất 5 tuần thực học và 01 tuần thi.

5.2. Điều kiện tốt nghiệp:

Sinh viên (SV) được xem xét để công nhận tốt nghiệp nếu hội đủ các điều kiện sau:

- Tích lũy đủ số học phần quy định theo chương trình đào tạo và điểm trung bình tích lũy toàn khóa học từ 5,00 (theo thang điểm 10) trở lên.
- Điểm bảo vệ Luận văn tốt nghiệp hoặc học thay thế các học phần phải đạt theo quy định chung của Trường.
- Tính đến thời điểm xét tốt nghiệp, SV không có học phần nào bị điểm dưới 4,0 (theo thang điểm 10) (loại F).
- Có đủ các chứng chỉ Giáo dục quốc phòng và Giáo dục thể chất, kỹ năng mềm, Tin học.
- Điểm Luận văn tốt nghiệp hoặc môn học thay thế đều được tính vào điểm trung bình chung tích lũy học tập toàn khóa của SV.

6. Nội dung chương trình đào tạo: 131 tín chỉ (chưa kể các phần nội dung Giáo dục Thể chất và Giáo dục Quốc phòng)

6.1. Kiến thức giáo dục đại cương

STT	Tên môn học	Tín chỉ
Học phần bắt buộc 23 TC		
1	Triết học Mác – Lê Nin	3
2	Kinh tế chính trị	2
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2
6	Tin học căn bản	3
7	Pháp luật đại cương	2
8	Pháp văn 1	3
9	Pháp văn 2	2
10	Pháp văn 3	2
Học phần tự chọn 2 TC		
11	Logic học đại cương	2
12	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2
13	Xã hội học đại cương	2

6.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp:

a. Kiến thức cơ sở ngành:

STT	Tên môn học	Tín chỉ
-----	-------------	---------

STT	Tên môn học	Tín chỉ
Học phần bắt buộc: 54 TC		
1	Ngữ pháp 1	2
2	Đọc 1	3
3	Viết 1	3
4	Ngữ âm TH 1	2
5	Nghe nói 1	3
6	Ngữ pháp 2	2
7	Đọc 2	3
8	Viết 2	3
9	Ngữ âm TH 2	2
10	Nghe nói 2	3
11	Ngữ pháp 3	2
12	Đọc 3	3
13	Viết 3	3
14	Ngữ âm TH 3	2
15	Nghe nói 3	3
16	Đọc 4	3
17	Viết 4	3
18	Nghe nói 4	3
19	PPNC Khoa học	3
20	Quá trình tiếp thu ngôn ngữ thứ 2	2
21	Thực tế ngoài trường	1

b. Kiến thức chuyên ngành:

STT	Tên môn học	Tín chỉ
Học phần bắt buộc 34 TC		
1	Dẫn luận văn chương	3
2	Văn hóa xã hội các nước nói tiếng Anh	2
3	Nói trước công chúng	2
4	Dẫn luận ngôn ngữ	3
5	Từ pháp học	2
6	Cú pháp học	2
7	Ngữ nghĩa học	2

STT	Tên môn học	Tín chỉ
8	Âm vị học	2
9	Ngữ dụng học	2
10	Lý thuyết dịch	2
11	Biên dịch 1	2
12	Biên dịch 2	2
13	Biên dịch 3	2
14	Phiên dịch 1	2
15	Phiên dịch 2	2
16	Phiên dịch 3	2
Học phần tự chọn: 6 TC		
<i>SV chọn 2 trong 5 môn học tự chọn</i>		
17	Đông Nam Á học	3
18	Chuyên đề các bài thi tiếng Anh quốc tế	3
19	Giao tiếp đa văn hóa	3
20	Tiếng Anh du lịch	3
21	Tiếng Anh thương mại	3

c. Thực tập cuối khóa và khóa luận tốt nghiệp

STT	Hình thức	Tín chỉ
Loại hình 1: (áp dụng cho SV đủ điều kiện làm luận văn tốt nghiệp) Sinh viên làm luận văn tốt nghiệp và chọn học 2 học phần trong danh sách	Luận văn tốt nghiệp	8
	<i>Sinh viên chọn 2 học phần học trong danh sách</i>	4
	1. Biên dịch Kỹ thuật	2
	2. Biên dịch Y khoa	2
	3. Biên dịch Môi trường	2
	4. Phân tích điển ngôn	2
	5. Dân cư & Môi trường ĐBSCL	2
Loại hình 2: (áp dụng cho SV không đủ điều kiện làm luận văn tốt nghiệp) Sinh viên làm tiểu luận tốt nghiệp và chọn học 4 học phần trong danh	Tiểu luận tốt nghiệp	4
	<i>Sinh viên chọn 4 học phần học trong danh sách</i>	8
	1. Biên dịch Kỹ thuật	2
	2. Biên dịch Y khoa	2

sách	3. Biên dịch Môi trường	2
	4. Phân tích điển ngôn	2
	5. Dân cư & Môi trường ĐBSCL	2
	6. Văn bản và lưu trữ học đại cương	2
Cộng		12

7. Kế hoạch giảng dạy các học kỳ

Học kỳ 1

STT	Môn học	Tổng cộng		Lý thuyết		Thực hành	
		Số TC	Tiết	Số TC	Tiết	Số TC	Tiết
1	Tin học căn bản	3	60	2	30	1	30
2	Nghe nói 1	3	45	3	45		
3	Pháp luật đại cương	2	30	2	30		
4	Triết học Mác – Lê Nin	3	45	3	45		
5	Ngữ pháp 1	2	30	2	30		
6	Viết 1	3	60	2	30	1	30
7	Giáo dục Quốc phòng	8	180	4	60	4	120
8	Giáo dục thể chất 1	1	30			1	30
	Cộng	16	270	14	210	2	60

Học kỳ 2

STT	Môn học	Tổng cộng		Lý thuyết		Thực hành	
		Số TC	Tiết	Số TC	Tiết	Số TC	Tiết
1	Pháp văn 1	3	60	2	30	1	30
2	Ngữ pháp 2	2	30	2	30		
3	Đọc 1	3	60	2	30	1	30
4	Viết 2	3	60	2	30	1	30
5	Ngữ âm TH 1	2	45	1	15	1	30
6	Nghe nói 2	3	60	2	30	1	30
7	Quá trình tiếp thu ngôn ngữ thứ 2	2	45	1	15	1	30
8	Giáo dục thể chất 2	1	30			1	30
	Cộng	18	360	12	180	6	180

Học kỳ 3

STT	Môn học	Tổng cộng		Lý thuyết		Thực hành	
		Số TC	Tiết	Số TC	Tiết	Số TC	Tiết
1	Kinh tế chính trị	2	30	2	30		
2	Pháp văn 2	2	45	1	15	1	30

STT	Môn học	Tổng cộng		Lý thuyết		Thực hành	
		Số TC	Tiết	Số TC	Tiết	Số TC	Tiết
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	2	30		
4	Đọc 2	3	60	2	30	1	30
5	Viết 3	3	60	2	30	1	30
6	Ngữ âm TH 2	2	45	1	15	1	30
7	Nghe nói 3	3	60	2	30	1	30
8	Giáo dục thể chất 3	1	30			1	30
	Cộng	17	330	12	180	5	150

Học kỳ 4

STT	Môn học	Tổng cộng		Lý thuyết		Thực hành	
		Số TC	Tiết	Số TC	Tiết	Số TC	Tiết
1	Pháp văn 3	2	45	1	15	1	30
2	Lý thuyết dịch	2	30	2	30		
3	Ngữ pháp 3	2	30	2	30		
4	Đọc 3	3	60	2	30	1	30
5	Viết 4	3	60	2	30	1	30
6	Ngữ âm TH 3	2	45	1	15	1	30
7	Dẫn luận ngôn ngữ	3	45	3	45		
	Cộng	17	315	13	195	4	120

Học kỳ 5

STT	Môn học	Tổng cộng		Lý thuyết		Thực hành	
		Số TC	Tiết	Số TC	Tiết	Số TC	Tiết
1	Đọc 4	3	60	2	30	1	30
2	Nghe nói 4	3	60	2	30	1	30
3	Biên dịch 1	2	45	1	15	1	30
4	Phiên dịch 1	2	45	1	15	1	30
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	2	30		
6	Dẫn luận văn chương	3	45	3	45		
	<i>Sinh viên chọn 1 trong 3 học phần</i>	2	30	2	30		
7	Logic học đại cương	2	30	2	30		
	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	30	2	30		
	Xã hội học đại cương	2	30	2	30		
	Cộng	17	315	13	195	4	120

Học kỳ 6

STT	Môn học	Tổng cộng		Lý thuyết		Thực hành	
		Số TC	Tiết	Số TC	Tiết	Số TC	Tiết
1	Từ pháp học	2	45	1	15	1	30
2	Biên dịch 2	2	45	1	15	1	30
3	Phiên dịch 2	2	45	1	15	1	30
4	Ngữ dụng học	2	45	1	15	1	30
5	Nói trước công chúng	2	45	1	15	1	30
6	Cú pháp học	2	45	1	15	1	30
7	Văn hóa xã hội các nước nói tiếng Anh	2	30	2	30		
8	Đường lối Cách mạng của ĐCSVN	2	30	2	30		
9	Thực tế ngoài trường	1	30			1	30
	Cộng	17	360	10	150	7	210

Học kỳ 7

STT	Môn học	Tổng cộng		Lý thuyết		Thực hành	
		Số TC	Tiết	Số TC	Tiết	Số TC	Tiết
1	Ngữ nghĩa học	2	45	1	15	1	30
2	Âm vị học	2	45	1	15	1	30
3	Biên dịch 3	2	45	1	15	1	30
4	Phiên dịch 3	2	45	1	15	1	30
5	PPNC Khoa học	3	60	2	30	1	30
<i>Sinh viên chọn 2 trong 5 học phần</i>		6	90	6	90	2	60
6	Đông Nam Á học	3	45	3	45		
	Chuyên đề các bài thi tiếng Anh quốc tế	3	45	3	45		
	Giao tiếp đa văn hóa	3	45	3	45		
	Tiếng Anh du lịch	3	45	3	45		
	Tiếng Anh thương mại	3	45	3	45		
	Cộng	17	330	12	180	7	210

Học kỳ 8

STT	Môn học	Tổng cộng		Lý thuyết		Thực hành	
		Số TC	Tiết	Số TC	Tiết	Số TC	Tiết
1	<i>Đối với sinh viên đủ điều kiện làm luận văn tốt nghiệp</i>	12	450	2	30	10	420

STT	Môn học	Tổng cộng		Lý thuyết		Thực hành	
		Số TC	Tiết	Số TC	Tiết	Số TC	Tiết
	1.1. Luận văn tốt nghiệp	8	360			8	360
	1.2. Chọn 2 trong số các học phần sau:	4	90	2	30	2	60
	Biên dịch Kỹ thuật	2	45	1	15	1	30
	Biên dịch Y khoa	2	45	1	15	1	30
	Biên dịch Môi trường	2	45	1	15	1	30
	Phân tích điển ngôn	2	45	1	15	1	30
	Dân cư & Môi trường ĐBSCL	2	45	1	15	1	30
	Văn bản và lưu trữ học đại cương	2	45	1	15	1	30
	Đối với sinh viên không đủ điều kiện làm luận văn tốt nghiệp	12	360	4	60	8	300
2	2.1. Tiểu luận tốt nghiệp	4	180			4	180
	2.2. Chọn 4 trong số các học phần sau:	8	180	4	60	4	120
	Biên dịch Kỹ thuật	2	45	1	15	1	30
	Biên dịch Y khoa	2	45	1	15	1	30
	Biên dịch Môi trường	2	45	1	15	1	30
	Phân tích điển ngôn	2	45	1	15	1	30
	Dân cư & Môi trường ĐBSCL	2	45	1	15	1	30
	Văn bản và lưu trữ học đại cương	2	45	1	15	1	30
	Cộng	12					

8. Hướng dẫn thực hiện:

- Chương trình:

+ Chương trình chi tiết đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh hệ chính quy gồm 131 TC (chưa bao gồm nội dung Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng – an ninh), trong đó có 25 TC giáo dục đại cương, 94 TC giáo dục chuyên nghiệp, 12 TC tốt nghiệp. Việc triển khai chi tiết thực hiện chương trình và giám sát chất lượng chuyên môn do Bộ Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo thực hiện.

+ Phần nội dung chương trình bắt buộc: Trường Đại học Nam Cần Thơ chỉ đạo khoa Luật – Xã hội nhân văn phối hợp với Phòng Đào tạo tổ chức thực hiện giảng dạy đủ khối lượng kiến thức đã quy định.

+ Phần nội dung chương trình kiến thức bổ trợ: Trên cơ sở các TC bắt buộc và TC kiến thức bổ trợ đã được phê duyệt, khoa Luật – Xã hội nhân văn biên soạn chương trình chi tiết những môn học và trình hội đồng khoa học cấp trường và Ban Giám hiệu Trường Đại học Nam Cần Thơ ban hành để thực hiện.

- Kế hoạch sắp xếp nội dung và quỹ thời gian:

Học kỳ 1

STT	Môn học	Tổng cộng		Lý thuyết		Thực hành	
		Số TC	Tiết	Số TC	Tiết	Số TC	Tiết
1	Tin học căn bản	3	60	2	30	1	30
2	Nghe nói 1	3	45	3	45		
3	Pháp luật đại cương	2	30	2	30		
4	Triết học Mác – Lê Nin	3	45	3	45		
5	Ngữ pháp 1	2	30	2	30		
6	Viết 1	3	60	2	30	1	30
7	Giáo dục Quốc phòng	8	180	4	60	4	120
8	Giáo dục thể chất 1	1	30			1	30
	Cộng	16	270	14	210	2	60

Học kỳ 2

STT	Môn học	Tổng cộng		Lý thuyết		Thực hành	
		Số TC	Tiết	Số TC	Tiết	Số TC	Tiết
1	Pháp văn 1	3	60	2	30	1	30
2	Ngữ pháp 2	2	30	2	30		
3	Đọc 1	3	60	2	30	1	30
4	Viết 2	3	60	2	30	1	30
5	Ngữ âm TH 1	2	45	1	15	1	30
6	Nghe nói 2	3	60	2	30	1	30
7	Quá trình tiếp thu ngôn ngữ thứ 2	2	45	1	15	1	30
8	Giáo dục thể chất 2	1	30			1	30
	Cộng	18	360	12	180	6	180

Học kỳ 3

STT	Môn học	Tổng cộng		Lý thuyết		Thực hành	
		Số TC	Tiết	Số TC	Tiết	Số TC	Tiết
1	Kinh tế chính trị	2	30	2	30		
2	Pháp văn 2	2	45	1	15	1	30
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	2	30		
4	Đọc 2	3	60	2	30	1	30
5	Viết 3	3	60	2	30	1	30
6	Ngữ âm TH 2	2	45	1	15	1	30
7	Nghe nói 3	3	60	2	30	1	30
8	Giáo dục thể chất 3	1	30			1	30
	Cộng	17	330	12	180	5	150

Học kỳ 4

STT	Môn học	Tổng cộng		Lý thuyết		Thực hành	
		Số TC	Tiết	Số TC	Tiết	Số TC	Tiết
1	Pháp văn 3	2	45	1	15	1	30
2	Lý thuyết dịch	2	30	2	30		
3	Ngữ pháp 3	2	30	2	30		
4	Đọc 3	3	60	2	30	1	30
5	Viết 4	3	60	2	30	1	30
6	Ngữ âm TH 3	2	45	1	15	1	30
7	Dẫn luận ngôn ngữ	3	45	3	45		
	Cộng	17	315	13	195	4	120

Học kỳ 5

STT	Môn học	Tổng cộng		Lý thuyết		Thực hành	
		Số TC	Tiết	Số TC	Tiết	Số TC	Tiết
1	Đọc 4	3	60	2	30	1	30
2	Nghe nói 4	3	60	2	30	1	30
3	Biên dịch 1	2	45	1	15	1	30
4	Phiên dịch 1	2	45	1	15	1	30
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	2	30		
6	Dẫn luận văn chương	3	45	3	45		
	<i>Sinh viên chọn 1 trong 3 học phần</i>	2	30	2	30		
7	Logic học đại cương	2	30	2	30		
	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	30	2	30		

STT	Môn học	Tổng cộng		Lý thuyết		Thực hành	
		Số TC	Tiết	Số TC	Tiết	Số TC	Tiết
	Xã hội học đại cương	2	30	2	30		
	Cộng	17	315	13	195	4	120

Học kỳ 6

STT	Môn học	Tổng cộng		Lý thuyết		Thực hành	
		Số TC	Tiết	Số TC	Tiết	Số TC	Tiết
1	Từ pháp học	2	45	1	15	1	30
2	Biên dịch 2	2	45	1	15	1	30
3	Phiên dịch 2	2	45	1	15	1	30
4	Ngữ dụng học	2	45	1	15	1	30
5	Nói trước công chúng	2	45	1	15	1	30
6	Cú pháp học	2	45	1	15	1	30
7	Văn hóa xã hội các nước nói tiếng Anh	2	30	2	30		
8	Đường lối Cách mạng của ĐCSVN	2	30	2	30		
9	Thực tế ngoài trường	1	30			1	30
	Cộng	17	360	10	150	7	210

Học kỳ 7

STT	Môn học	Tổng cộng		Lý thuyết		Thực hành	
		Số TC	Tiết	Số TC	Tiết	Số TC	Tiết
1	Ngữ nghĩa học	2	45	1	15	1	30
2	Âm vị học	2	45	1	15	1	30
3	Biên dịch 3	2	45	1	15	1	30
4	Phiên dịch 3	2	45	1	15	1	30
5	PPNC Khoa học	3	60	2	30	1	30
<i>Sinh viên chọn 2 trong 5 học phần</i>		6	90	6	90	2	60
6	Đông Nam Á học	3	45	3	45		
	Chuyên đề các bài thi tiếng Anh quốc tế	3	45	3	45		
	Giao tiếp đa văn hóa	3	45	3	45		
	Tiếng Anh du lịch	3	45	3	45		
	Tiếng Anh thương mại	3	45	3	45		
	Cộng	17	330	12	180	7	210

Học kỳ 8

STT	Môn học	Tổng cộng		Lý thuyết		Thực hành	
		Số TC	Tiết	Số TC	Tiết	Số TC	Tiết
1	<i>Đối với sinh viên đủ điều kiện làm luận văn tốt nghiệp</i>	12	450	2	30	10	420
	1.1. Luận văn tốt nghiệp	8	360			8	360
	1.2. Chọn 2 trong số các học phần sau:	4	90	2	30	2	60
	Biên dịch Kỹ thuật	2	45	1	15	1	30
	Biên dịch Y khoa	2	45	1	15	1	30
	Biên dịch Môi trường	2	45	1	15	1	30
	Phân tích điển ngôn	2	45	1	15	1	30
	Dân cư & Môi trường ĐBSCL	2	45	1	15	1	30
	Văn bản và lưu trữ học đại cương	2	45	1	15	1	30
2	<i>Đối với sinh viên không đủ điều kiện làm luận văn tốt nghiệp</i>	12	360	4	60	8	300
	2.1. Tiểu luận tốt nghiệp	4	180			4	180
	2.2. Chọn 4 trong số các học phần sau:	8	180	4	60	4	120
	Biên dịch Kỹ thuật	2	45	1	15	1	30
	Biên dịch Y khoa	2	45	1	15	1	30
	Biên dịch Môi trường	2	45	1	15	1	30
	Phân tích điển ngôn	2	45	1	15	1	30
	Dân cư & Môi trường ĐBSCL	2	45	1	15	1	30
	Văn bản và lưu trữ học đại cương	2	45	1	15	1	30
Cộng	12						

8. Hướng dẫn thực hiện chương trình

8.1. Đối với Khoa và Bộ môn:

- Khoa quản lý chuyên môn chịu trách nhiệm rà soát, chủ trì biên soạn đề cương chi tiết các học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, ngành và chuyên ngành theo đúng khối lượng tín chỉ của chương trình này. Cung cấp danh mục giáo trình, bài giảng và tài liệu tham khảo của tất cả các học phần cho Thư viện của Nhà trường và lưu tại Văn phòng khoa. Đầu mỗi học kỳ, phối hợp cùng các đơn vị thuộc Trường để triển khai kế hoạch đào tạo theo đúng tiến độ.

- Phân công giảng viên có trình độ từ thạc sĩ trở lên (cùng ngành hoặc chuyên ngành liên quan) giảng dạy các học phần lý thuyết, cung cấp đề cương chi tiết học phần cho giảng viên để đảm bảo được theo kế hoạch giảng dạy chung của Nhà trường.

- Đội ngũ cố vấn học tập phải hiểu cặn kẽ toàn bộ chương trình đào tạo theo học chế tín chỉ để hướng dẫn sinh viên đăng ký các học phần.

8.2. Đối với giảng viên:

- Khi giảng viên được phân công giảng dạy một hoặc nhiều học phần, cần phải nghiên cứu kỹ nội dung đề cương chi tiết học phần để chuẩn bị bài giảng và các phương tiện, đồ dùng dạy học phù hợp.

- Giảng viên phải chuẩn bị đầy đủ bài giảng, nguồn giáo trình, tài liệu học tập và cung cấp cho sinh viên để chuẩn bị trước khi lên lớp.

- Tổ chức Seminar, chú trọng đến việc tổ chức học nhóm và hướng dẫn sinh viên làm tiểu luận, đồ án, giảng viên xác định các phương pháp truyền thụ; thuyết trình tại lớp, hướng dẫn thảo luận, giải quyết những vấn đề tại lớp, tại phòng thực hành, tại phòng thí nghiệm và hướng dẫn sinh viên viết thu hoạch.

- Quan tâm đến phát triển khả năng tự học, tự nghiên cứu của sinh viên trong suốt quá trình giảng dạy và hướng dẫn thực tập, thực hành.

- Cần chú ý đến tính logic của việc truyền đạt và tiếp thu các khối kiến thức, quy định các học phần tiên quyết của các học phần bắt buộc và chuẩn bị giảng viên để đáp ứng yêu cầu giảng dạy các học phần tự chọn.

8.3. Đối với sinh viên:

- Phải tham khảo ý kiến tư vấn của cố vấn học tập để lựa chọn học phần cho phù hợp với tiến độ. Phải tự nghiên cứu bài học trước khi lên lớp để dễ tiếp thu bài giảng. Phải đảm bảo đầy đủ thời gian lên lớp để nghe hướng dẫn bài giảng của giảng viên. Tự giác trong việc tự học và tự nghiên cứu, đồng thời tích cực tham gia học tập theo nhóm, tham dự đầy đủ các buổi Seminar.

- Chủ động, tích cực khai thác các tài nguyên trên mạng và trong thư viện của trường để phục vụ cho việc tự học, tự nghiên cứu và làm đồ án tốt nghiệp. Thực hiện nghiêm túc quy chế thi cử, kiểm tra, đánh giá.

- Thường xuyên tham gia các hoạt động đoàn thể, văn-thể-mỹ để rèn luyện kỹ năng giao tiếp, hiểu biết về xã hội và con người.

8.4. Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ giảng dạy và thực hành, thực tập:

- Hệ thống phòng học lý thuyết với trang thiết bị truyền thống, có trang bị thêm công cụ hỗ trợ giảng dạy (projector).

- Hệ thống phòng học lý thuyết với trang thiết bị truyền thống, có trang bị thêm công cụ hỗ trợ giảng dạy (projector).

- Phòng thực hành máy tính được cài đặt các phần mềm phục vụ đào tạo tin học căn bản.

- Phòng thực hành các học phần cơ bản về vật lý, hóa đại cương, hóa hữu cơ, hóa phân tích với trang thiết bị phục vụ đào tạo trực quan.

- Phòng thực hành chuyên ngành dược học được trang bị các máy móc, thiết bị và dụng cụ phù hợp.

PHÒNG ĐÀO TẠO

TTĐTCDR

HIỆU TRƯỞNG